TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2026
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thuý.

***- T ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hảo - T ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 68/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị H,** sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng.

* *Bị đơn:* Anh **Phạm Ngọc Â**, sinh năm 19xx; ĐKHKTT: Thôn C, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Â vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn - chị Phạm Thị H trình bày:* Chị và anh Phạm Ngọc Â kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 28/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh Â một thời gian sau đó đi làm ăn sinh sống ở tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống được mấy năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến năm 2018, chị nghi ngờ anh Â có

mối quan hệ với người phụ nữ khác nhưng nghĩ đến gia đình và các con nên chị vẫn níu kéo cuộc sống hôn nhân. Đến năm 2019 anh Â đi Đài Loan lao động, chị vẫn thấy anh Â quan hệ qua lại với người phụ nữ khác, đã nhiều lần chị kHên bảo nhưng anh Â không thay đổi. Cuối năm 2023 anh Â về Việt Nam gặp chị để giải quyết việc ly hôn nhưng chưa thống nhất được việc cấp dưỡng nuôi con nên tháng 02/2024 anh Â tiếp tục đi Đài Loan lao động. Trong thời gian từ đầu năm 2024 đến nay chị không còn tình cảm với anh Â. Anh Â sang Đài Loan làm ăn nhưng không đi theo hợp đồng và anh Â không cung cấp địa chỉ cho chị biết anh Â đang ở đâu nên chị không có địa chỉ cụ thể của anh Â để cung cấp cho Tòa án. Chị được biết anh Â vẫn Tòng xuyên liên lạc với bố mẹ anh tại Việt Nam qua mạng xã hội zalo. Do vợ chồng sống xa nhau, tình cảm không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Nay chị Xc định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Â. Chị và anh Â có 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 17/11/2009 và Phạm Gia H, sinh ngày 29/01/2015, hiện nay các con đang ở cùng chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản. Do điều kiện công việc, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* *Sau khi thụ lý vụ án:* Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Phạm Ngọc Â nhưng do anh Â không có mặt tại địa pH nên ông Phạm Văn X (là bố đẻ anh Â) nhận thay văn bản tố tụng của Toà án và đã thông báo cho anh Â, anh Â đã biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh Â không đến Toà án làm việc và trình bày quan điểm.

* *Tại Biên bản ghi lời khai ông Phạm Văn X (bố đẻ anh Phạm Ngọc Â) trình bày:* Chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc Â kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà ông được một thời gian rồi đi làm ăn ở Hải Dương. Từ năm 2019, anh Â nói đi lao động ở Đài Loan, sau đó đến cuối năm 2023 anh Â về nước được vài tháng đến đầu năm 2024 anh Â lại tiếp tục đi Đài Loan và hiện nay anh Â đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan nhưng gia đình ông không nắm được địa chỉ cụ thể do anh Â không đi theo hợp đồng lao động, anh Â cũng không nói cho gia đình ông biết địa chỉ cụ thể của anh đang ở đâu tại Đài Loan. Anh Â vẫn thường xuyên liên lạc về nhà cho mẹ anh là bà Phạm Thị N qua điện thoại. Theo ông được biết từ khi anh Â sang Đài Loan thì cuộc sống mâu thuẫn giữa anh và chị H căng thẳng, cuộc sống bất hoà. Toà án đã giao thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh Â, ông là người trực tiếp nhận, sau khi nhận các văn bản của Toà án ông và vợ ông là bà Nhung đã thông báo cho anh Â biết. Anh Â đã biết việc chị H xin ly hôn nhưng do anh đang ở Đài Loan không thể về Toà án làm việc được, anh có quan điểm Toà án giải quyết theo yêu cầu của chị H. Chị H và anh Â có 02 con chung là Phạm Anh

T, sinh ngày 17/11/20xx và Phạm Gia H, sinh ngày 29/01/20xx, từ khi các cháu còn nhỏ chủ yếu do chị H chăm sóc. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng chị H, quan điểm của anh Â con ở với mẹ nên anh cũng để cho chị H tiếp tục chăm sóc các con, còn kinh tế anh vẫn gửi về phụ cho chị H lo cho các con. Về tài sản chung của chị H và anh Â ông không nắm được, anh Â và chị H không đóng góp gì với gia đình ông, ông không thấy anh Â có yêu cầu giải quyết về tài sản. Ông đồng ý nhận các văn bản của Toà án giao cho anh Â, sau khi nhận ông sẽ thông báo với bà Nhung giao lại cho anh Â.

** Tại Công văn số 1078/XNC ngày 27/5/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp:* Anh Phạm Ngọc Â, sinh ngày 20/12/19xx; Số CCCD: xxx, được cấp hộ chiếu số xxx, hạn hộ chiếu 29/3/20xx, tình trạng hộ chiếu: Hiện hành, chưa thấy thông tin xuất nhập cảnh.

* *Biên bản xác minh tại UBND xã N thể H* Châu, thành phố Hải Phòng) và anh Phạm Ngọc Â có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, tỉnh Hưng Yên tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/20xx tại UBND xã Đ, Huyện Đ, tỉnh Thái Bình (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn, chị H và anh Â sinh sống và làm việc tại địa phương được một thời gian rồi đi làm ăn ở tỉnh khác. Qua nắm bắt từ cơ sở thôn và gia đình thì từ khoảng cuối năm 2019 anh Â đi lao động ở Đài Loan đến cuối năm 2023 anh Â có về Việt Nam vài tháng sau đó đến đầu năm 2024 anh Â lại sang Đài Loan đến nay hiện đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan nhưng địa chỉ cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Khi Toà án và cán bộ địa phương đến gia đình anh Â làm việc, trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương, Toà án thông qua yêu cầu khởi kiện của chị H, ông Phạm Văn X là bố đẻ anh Â có trình bày: Ông đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Toà án gửi cho anh Â, sau đó bà Phạm Thị N là mẹ đẻ anh Â đã thông báo lại cho anh Â biết việc chị H xin ly hôn anh tại Toà án, anh Â biết việc chị H xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu đơn phương của chị H, anh không về Tòa án làm việc được vì hiện nay anh đang đi lao động ở Đài Loan nhưng anh không làm theo hợp đồng nên không thể cung cấp địa chỉ cụ thể và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về cho Tòa án được. Khi chị H gửi đơn xin ly hôn thì chị H cũng đã thông báo cho anh Â biết nhưng anh Â không về Toà án làm việc được. Do chị H và anh Â sinh sống ở địa phương thời gian ngắn rồi đi làm ăn xa sau đó không chung sống cùng nhau nữa nên nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh Â như thế nào địa phương không nắm được. Tuy nhiên, theo gia đình thông tin thì chị H và anh Â có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, hai bên đã tự lo liệu cuộc sống riêng. Chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh Â có 02 con chung Phạm Anh T, sinh ngày 17/11/2009 và Phạm Gia H, sinh ngày 29/01/2015, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị H. Đề nghị Toà án

căn cứ vào điều kiện thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết việc nuôi con chung. Về tài chung của anh chị địa pH không nắm rõ, không thấy cơ quan tổ chức hay cá nhân nào có ý kiến về nợ liên quan đến vợ chồng chị H và anh Â.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị:* Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc Â.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng hai con Phạm Anh T, sinh ngày 17/11/2009 và Phạm Gia H, sinh ngày 29/01/2015. Chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng***:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với bị đơn - anh Phạm Ngọc Â đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, tỉnh Hưng Yên, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Anh Phạm Ngọc Â đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc Â kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2008 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 chị H nghi ngờ anh Â có mối quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Năm 2019, anh Â đi lao động ở Đài Loan, chị H vẫn thấy anh Â quan hệ qua lại cùng người phụ nữ

khác, đã nhiều lần chị kHên bảo nhưng anh Â không thay đổi nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Cuối năm 2023, anh Â về gặp chị H để giải quyết việc ly hôn nhưng chưa thống nhất được việc cấp dưỡng nuôi con nên tháng 02/2024 anh Â tiếp tục đi Đài Loan lao động nhưng không đi theo hợp đồng lao động nên chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Â. Trong thời gian từ đầu năm 2024 đến nay chị H không còn tình cảm với anh Â, hai bên đã sống ly thân, tự lo liệu cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh Â thông tin về gia đình anh đề nghị Toà án giải quyết theo yêu cầu ly hôn đơn pH của chị H và giải quyết việc nuôi con theo pháp luật, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc Â là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc Â có 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 17/11/2009 và Phạm Gia H, sinh ngày 29/01/2015, từ khi anh Â đi lao động ở nước ngoài đến nay chủ yếu do chị H chăm sóc các cháu, hiện nay các cháu đang ở cùng chị H. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Â cấp dưỡng, cháu T và cháu H có đơn xin ở với mẹ, anh Â không có văn bản trình bày ý kiến gửi về Tòa án. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị H nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp pháp luật và ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, anh Phạm Ngọc Â chưa có lời khai trình bày về tài sản và hiện tại vắng mặt nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc Â.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung Phạm Anh T, sinh ngày 17/11/2009 và Phạm Gia H, sinh ngày 29/01/2015, anh Â không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. CHển số tiền 300.000 đồng chị H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002102 ngày 23/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang thi hành án phí, chị H đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Phạm Ngọc Â có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND - VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- Thi hành án DS tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS KV7, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Phạm Thị Diệu Thuý